

tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm • giá 15 đồng

Khởi Hành

chủ nhiệm chủ bút: anh viết trần văn trung • thư ký tòa soạn: viên linh

MAI THẢO

TÙY BÚT 3

MỘT CẢNH TƯỢNG KỲ ẢO

LẠI NÓI VỀ ĐÌNH HÙNG

THÂM VÀ TIẾNG ĐỘNG

QUÁN BỆNH

TIẾNG THƠ BÍCH KHÊ

TỪ HÌNH CHO MÀU XANH

HOẠT CẢNH

Tùy bút

3

Mai Thảo

tùy bút

Mai Thảo

Bìa: *M.C.P*

Nguồn: *Thư Quán bản thảo*

tùy bút

MAI THẢO

Tuần báo KHỞI HÀNH
số 17, 18, 19, 20, 21, 22

MỤC LỤC

1. Một cảnh tượng kỳ ảo	9
2. Lại nói về Đình Hùng <i>Lô Răng</i>	22
3. Thảm và tiếng động	29
4. Quán bệnh	39
5. Tiếng thơ Bích Khê	51
6. Tử hình cho màu xanh	64
7. Hoạt cảnh	76

ĐÌNH HÙNG
QUA HAI NĂM VẮNG BÓNG
MỘT CẢNH TƯỢNG KỲ ẢO

Anh Đình Hùng, tôi nhớ năm ngoái cũng vào tháng này, để đánh dấu ngày giỗ đầu cái chết của anh, nhà xuất bản Văn ở số 38 đường Phạm Ngũ Lão Sài Gòn, (chủ nhân là anh Nguyễn Đình Vương, người đã mở đầu cho nhà xuất bản Văn bằng Người Dao Phủ Thành Đại La của anh) cho in lại Mê Hồn Ca. Tái bản mang ý nghĩa truy điệu thi sĩ này, đáng lẽ phải có, bằng văn tôi, một bài vào tập Mê Hồn Ca được phát

hành sau đó. Nhà Văn đành xin lỗi những người đọc thơ anh, bởi bài vào tập đã báo trước, cuối cùng không có. Tôi không viết được nó Mặc dầu đã định. Đã muốn. Hết lòng. Không viết nổi vài hàng dẫn nhập cho một tập thơ đến nay tôi vẫn thành thực xem như một trong những đỉnh cao của thi ca tiền chiến, không nói được lời nào về một người, người đó là một nhà thơ sinh thời là bạn, là điều đến nay vẫn còn làm tôi hết sức ngạc nhiên. Không thực hiện được một bài viết tưởng đã có hàng trăm ý nghĩ trong đầu, tôi tìm hiểu nguyên nhân, chỉ có thể đi đến kết luận này: với tôi, Mê Hồn Ca vẫn đích thực là cái thế giới mê hồn kỳ lạ của riêng anh. Và nếu hiểu thơ của một người, cũng phải như hiểu một sự vật, một đời sống, nghĩa là thấu triệt được những quy luật cấu thành biện chứng của sự vật và đời sống, thì cái chân tướng của Mê Hồn Ca

lung thoát, mơ hồ, tôi không nhìn thấy được cái từ đâu mà thành, bởi đâu mà có. Văn học sử Việt Nam sau này tất yếu sẽ phải làm thay tôi việc đó. Tôi nói tất yếu. Cõi thơ, tiếng thơ, một ngôn ngữ thơ mang tên Đinh Hùng, đích thực vẫn còn hay sẽ mất với những liên hệ chặt chẽ với thơ của cả một thời kỳ, một thời đại. Thơ anh là thơ của một người. Còn là thơ của một thời.

Thơ Việt Nam bây giờ chuyển lưu sang một trời thơ khác, chứng minh điều đó. Nhận cho thơ Đinh Hùng như một cùng đường tàn tạ, hay nhận cho thơ Đinh Hùng như một động lực đưa tới một hóa thân, một tiến trình mới của thơ, thì cũng cứ vẫn phải công nhận thêm một điều này: thơ anh nếu có khép đóng lại một dòng thơ thì cũng chính từ

khép đóng này mà thơ đã mở đi những dòng thơ khác.

*

Anh Đinh Hùng, tôi kể lại anh nghe chuyện nhỏ này. Nghĩ nó, tuy cũng trà dư tửu hậu mà thôi, có chiếu sáng cho tôi phần nào về một vài bình diện thi sĩ. Một buổi chiều tuần trước, tôi cùng Thạch Chương và Thanh Tâm Tuyền đến chơi một người bạn. Ở đây, chúng tôi tình cờ gặp lại nhà thơ Bùi Giáng. Với tôi, cõi thơ Bùi Giáng là một trong những cõi thơ bát ngát nhất hiện nay của thơ ta.

Thơ Bùi Giáng là một vực thẳm không cùng. Một cánh rừng dày đặc.

Nó òa tới, làm nhạt nhòa Xuân Diệu. Nó vụt qua, làm mất biến Xuân Xanh.

Dẫn dắt lên mọi thể loại ngôn ngữ tinh tại, sáng hồng, đôn hậu, toàn vẹn, đã xong, thơ Bùi Giáng là cái tang trống kinh dị treo căng trên hai đầu cọc nhị trùng: từ một băng hoại tận cùng tới một thăng hoa chói lọi. Thơ nguy nga như thế mà con người bệnh quá. Mỗi nhọc, già yếu, Bùi Giáng ngồi đó, bóng chiều lã đẵng, như hình như bóng, mang trên hình hài âm u cái hiện tượng dị thường của một cõi ngôn ngữ khi bình lặng thì thêm thiếp, hư không, khi dấy động là cái dấy động bàng hoàng một trời giông bão. Chùng như tôi điên, một năm vài tháng, Bùi Giáng nói. Thế nhưng khổ nhất cho Bùi Giáng lại là lúc tỉnh. Tỉnh thức, ra khỏi những quần quai nghen ngào, những nhức nhối đốt lửa, Bùi Giáng mới biết là có thật nhiều điều, dầu biết phải nói, chẳng nên nói ra bằng giấy trắng mực đen. Nhưng rồi những cơn

lốc kinh hoàng hết như những cơn say sượng sần mê ngất chụp bắt lấy. Và khi đó thi sĩ lại nói hết. Nói hết những niềm quái dị, những nỗi hoang vu bất chợt sáng ngời, bằng một Ánh Sáng Lạ, trong tâm linh và tiềm thức. Tôi nhớ chiều hôm đó, Thanh Tâm Tuyền, yêu mến Bùi Giáng lắm, đã giải thích cái trạng thái bất bình thường nơi Bùi Giáng như một hòa nhập quá thể say đắm, quá thể trầm trọng với ngôn ngữ. Rằng đó là tại vì anh coi trọng ngôn ngữ quá. Rằng anh muốn phá tan ngôn ngữ còn muốn phá tan chính Cuốn Sách là cái biểu tượng cái thể tích thường hằng được chấp nhận cho ngôn ngữ, cho thơ.

*

Anh Đinh Hùng, cái “Ca” đặc biệt của Bùi Giáng trở lại trong trí tưởng tôi lúc này tôi nói chuyện với anh về những

cõi ngôn ngữ dị thường ấy là những cõi ngôn ngữ thi sĩ. Nếu Breton định nghĩa cái đẹp như một bàng hoàng, bàng hoàng đó đã sấm sét, đã địa chấn bao nhiêu năm dưới trời siêu thực, và nếu ngôn ngữ ở Bùi Giáng là những lượng chất nổ thả dần bằng những ngón tay thơ rất điêu dàng vào cái tôi nhìn thấy rõ nhất ở Bùi Giáng là một cõi tâm linh mê ngất — chúng ta đã thấy nhưng không thể tan tành và toàn vẹn bằng, ở cõi thơ trái điên và mặt đấng của Hàn Mặc Tử — tôi muốn nhìn thơ anh, như nỗ lực một đời của ước muốn đến với cái phía bên kia đã mất của thực tại. Đó là cái nỗ lực cài đính trang trọng lên một nền trời những vì sao đã rụng. Sự vật tất yếu nằm trong vận động của một sinh thành và một hủy diệt. Quy luật ấy, đích thực anh đã không chịu chấp nhận nó. Đã muốn phản chống lại bằng thơ. “Khi miếu đường kia

phá đổ rồi. Ta đi về những hướng sao rơi”. Trời thơ anh nằm gọn trong mười bốn chữ đó. Giữa một thời đại ào ạt vươn tới những biển vàng chưa gặp, bây giờ người ta đã nghĩ đến những ngọn cỏ đường cho năm 2000, vẫn có những nhà bác học nghiêm túc phui đi những bụi phấn trên một đồ vật chôn vùi cũ bằng đất nung. Cho sáng rõ trở lại cái nghệ thuật tạo tác của một hơi lửa tiền sử.

Anh là một trong những nhà bác học đó. Vấn đề tưởng rằng lớn lao và ngọt ngào nhất của thi ca là ngôn ngữ không đặt ra với Mê Hồn Ca và Đường Vào Tình Sử tiên thiên tuy cũng là một nỗ lực biểu hiện tới tận cùng một định mệnh ngôn ngữ. Nhưng ngôn ngữ với Đinh Hùng đôn hậu, ngoan ngoãn. Nó chỉ là một phương tiện. Cái phương tiện dẫn đi. Cái phương tiện chở về.

Vào thơ anh trước hết tôi nhìn thấy một vũ trụ một thế giới không tiếng động, không ánh sáng, Nó là một cánh rừng chết. Im phắc. Rất đen và rất đêm, Rồi lửa thơ ngang đầu, thi sĩ đi tới. Đi vào mộng những sơn thần yên ngủ. Thi sĩ vào. Đánh thức những bản bật. Lay tỉnh những thêm thiếp. Gõ cửa những chôn vùi. Như một ngọn đèn pha trên một con đường tối, ánh sáng lướt. Những sự vật hiện. Nhặt những « sao rơi » anh đang cài đỉnh, từng chùm một, lên một nền trời đã nghìn triệu năm tắt nghỉ mọi cuộc đời tình tú.

Người ta bảo thơ Đinh Hùng là một thất bại trong ý hướng tạo dựng và làm sống lại một thế giới đã vĩnh viễn tịch mịch. Người ta nói Đinh Hùng không làm sao đón được đời sống vào vũ trụ

mình, giản đơn là bởi vì cái vũ trụ đó không có. Tôi muốn nghĩ khác.

*

Tôi muốn nghĩ khác. Tri thức và trầm tư nơi một bản thể rục rờ như Đinh Hùng, ít nhất cũng là đã mở được những cửa ngõ hòa nhập dư thừa vào hăng cữu và tạo vật, hiểu được thế nào là chân thân kia của một hạt cát sông Hằng, tri thức đó nhất định không đến nỗi rơi ngã vào ảo tưởng mù lòa về những cái đã chết, đã mất, phải làm cho sống lại. Bởi không thể. Cái đỉnh trang trọng những nhành sao rụng lên một nền trời kia, ở Đinh Hùng, chỉ là đốt lửa đêm cho cuộc đời nhìn thấy cái mặt úp sấp kia của một đồng tiền. Cái mặt không reo, không nháy. Cái phía đã im phắc. Đã bất động. Đã thành tượng.

Thành tựu của thơ Đinh Hùng ở nơi anh tới được những vì sao rụng trên mặt cỏ hăng cữu. Và không khi nào “miếu đường” không phá đổ được, miếu đường còn đứng đó, cản ngăn đường người về một hướng sao rơi. Thơ ở một phía khác thơ Đinh Hùng, thơ ngợi ca đời sống, thơ đầm ấm hơi thở, thơ tươi tắn máu hồng, thơ trái tim trên tay, thơ như một thâm nhập tràn đầy và dữ dội của ngôn ngữ, thơ trên mỗi tảng đá, mỗi ngọn cỏ, để lại cái dấu khắc đau đau tươi màu của hiện hữu và tri thức người, khác ở nơi nó không vấp phải một miếu đường nào. Sao cũng rơi trên chúng ta đấy chứ. Nhưng sao rơi gần. Với Đinh Hùng, đã cách một miếu đường thực tại, sao còn nghìn dặm.

Thả hòn đá xuống một lòng giếng thăm, vang vọng mất biển. Ném ngôn

ngũ đi quá xa tới những vùng trời biệt tích ngoài mình, ngôn ngữ biệt tích luôn. Mê Hồn Ca tuyệt nhiên không đắm say cái ảo tưởng mù lòa làm sống lại những đồ vật đất nung được tạo tác ngày nào bằng hơi lửa tiền sử. Chỉ là Đinh Hùng muốn dẫn chúng ta tới đó. Tới những cõi chôn vùi. Tới những trời hủy hoại. Tới một lối đi xưa. Tới một cửa đền cũ. Cái khác là chúng đã tới và đã trở về. Riêng Đinh Hùng ở lại.

*

Anh Đinh Hùng, bây giờ thì với anh miếu đường kia anh đã đích thực phá đổ. Tôi nhìn thấy trời thơ ánh sáng dần. Thi sĩ đã tới. Trên một nền trời kia, từ một bàn tay ấy, những vì sao đang được khoan hòa và trang trọng dính cài lên. Cảnh tượng này đối với tôi và với thơ, đã dư thừa là *một cảnh tượng kỳ ảo*.

KHỞI HÀNH – Tuần báo văn học
nghệ thuật ra ngày thứ năm số 17, ngày
21-8-1969.

LẠI NÓI VỀ ĐÌNH HÙNG

LÔ RĂNG

Sgiỗ Đình Hùng năm nay nữa là giỗ hết. Ngay cả những người thân nhất của anh như vợ anh, con anh, sau ngày 24 tháng 8 cũng cởi bỏ chiếc khăn tang. Năm ngoái, nhớ ngày giỗ một số anh em còn đến Chùa Kỳ Quang (đường Cách Mạng rẽ vào tay phải) để ăn cơm chay. Năm nay có lẽ không còn ai đến nữa. Năm ngoái, giỗ đầu Đình Hùng tờ Văn có ra một số kỷ niệm và sau đó in lại tập Mê Hồn Ca; tiền nhuận

bút và số lời của ấn bản này, cơ sở Văn trao lại cho chị Đình Hùng và các con anh, gọi là một chút “gia tài” để lại của người chồng, người cha thi sĩ. Năm nay, giỗ hết, tờ Văn chắc cũng có một vài bài tưởng nhớ, tờ Khởi Hành cũng có đôi lời tưởng niệm. Bài vở đơn sơ, mỏng mảnh hơn nhiều so với năm trước. Dĩ nhiên... càng ngày càng xa... Sang năm ít ai còn nhớ đến ngày giỗ Đình Hùng nữa.

Tôi còn nhớ sau ngày đưa đám Đình Hùng, trong một cuộc họp mặt, Mai Thảo đã ngẫm nghĩ rồi nói rằng:

– Đình Hùng như thế là sướng. Chơi cái đời mình suốt 3, 4 chục năm. Đến cái lúc không chơi được nữa thì chết. Thế là xong. Như gió thoảng – như mây bay – không phải gặm nhấm những ngày vô vị. Mình cũng mong được “về” như thế?

Câu chuyện lúc đó liền xoay qua những cái “sướng” của Đinh Hùng. Thơ làm ra để chơi – làm cho mình cho bè bạn – đâu có cần bán cho thiên hạ. Đinh Hùng tiền chiến là một loài bướm rất nhớn nhỡ, không ở một trường phái nào, một không gian nào nhất định. Đinh Hùng là thi sĩ tiền chiến nổi tiếng mà không hề in một tập thơ nào – Tác phẩm Kỳ Nữ của Đinh Hùng được lưu truyền vì Thế Lữ trích đăng bài đó trong Trại Bồ Tùng Linh. Sau đó, người ta dõi theo thi sĩ kỳ lạ này trong một số rất ít những bài thơ như Bài Ca Man Rợ. Ý Liên...

Trường hợp Đinh Hùng tiền chiến giống như trường hợp Tô Thùy Yên bây giờ – Không có in thơ... nhưng mà có một chỗ ngồi vững lăm. Đến năm 1954, Mê Hồn Ca sở dĩ được in là vì Hồ Dzếnh bỏ tiền.

“Đường vào tình sử” sau này cũng vậy, có một Mạnh thường Quân sẵn lòng mở rộng hầu bao. Cứ như Đinh Hùng, thì có lẽ không bao giờ có chuyện bỏ ra một khoản tiền để in thơ của mình cả. Đó là một cái “sướng”. Cái sướng thứ hai của Đinh Hùng, theo ý tôi, ở trong cái gọi là hào. Đinh Hùng uống rất hào, chơi rất hào. Cứ những ngày tôi được biết anh ở Sài Gòn thì anh chơi với tất cả mọi người. Mục Tao Đàn mở ra, ai có thơ được ngâm ngợi trên mục đó đều có thể được cùng nguyên soái Tao Đàn đối ẩm. Vừa uống Whisky nơi này, anh có thể đi ngay nơi khác uống rượu đế.

Một số người có duyên nợ với nàng tiên nâu thường hay có mặc cảm, giấu diếm cái chuyện này. Nhưng Đinh Hùng thì không, anh hút rất tận tình và tuyên bố thẳng tay:

– Nếu không có phi-yến-thu-lâm thì cuộc đời nhạt thếch.

*

Cách đây 5, 7 năm, Hoài Bắc Phạm Đình Chương thường có thói quen gọi anh của đến nhà mừng 2 Tết uống rượu đầu năm. Ăn uống no nê xong là xúm nhau khai một hội bài. Đình Hùng không thú cái chuyện này, nhưng cũng lê la đánh kè, chầu rìa – đến gần nửa đêm mới rã đám. Tôi ra cái xe nhỏ của tôi định về nhà – thì thấy Đình Hùng đã say mèm, nằm co quắp ngủ trong xe tự lúc nào không biết. Đình Hùng hoàn toàn có tác phong một thi sĩ tượng trưng thế kỷ thứ 19, sống tận cùng với mọi cái hứng của mình.

Mai Thảo có lẽ đã nói đúng. Anh Hùng thế là sướng. Chơi cái đời mình

suốt 3,4 chục năm? Nhưng có những người ở gần anh không sướng một chút nào. Đó là vợ anh, con anh. Tôi còn nhớ lời chị Đình Hùng nói ở Bệnh Viện Bình Dân năm nào:

– Tôi thì thế nào cũng được. Tôi xuống chùa làm công quả cũng xong nhưng còn các cháu...

Những người làm cách mạng – nhất là những người làm nghệ thuật – họ sống hết cho xã hội, cho cái gì khác. Họ chi đến cùng, tiêu đến hết, nên vợ con thi sĩ, ngoài cái danh hờ, không còn thừa hưởng được cái gì đáng giá...

KHỞI HÀNH – Tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm số 18, ngày 28-8-1969.

THĂM VÀ TIẾNG ĐỘNG

Không biết bởi nguyên nhân nào có thể là cái hiện tượng của cảm giác một lần đã nhận chịu một chạm đụng dữ dội, chạm đụng còn vang ngân mãi mãi trong vòm trời trí nhớ, hiện tượng với tôi, còn giải thích cho các vị trí khác thường của một số hình ảnh đặc biệt trong trí tưởng một đời người tôi yêu lắm những hành lang. Một hành lang khách sạn chạy qua những cửa buồng đánh số, một hành lang lâu đài

dẫn lên tháp canh cao vút hay dẫn xuống những cửa hầm tối thăm, một hành lang biệt thự với những tấm gương, một hành lang bảo tàng trầm tư những pho tượng, tôi đều yêu. Cả đến cái hành lang rừng rợn kia, nơi người tù tử hình bước những bước chân cuối cùng của đời y tới phòng hơi ngạt, như những đời hành lang khác, cũng chuyên chở cũng ngưng đọng trên cái thăm thăm chạy dài của chúng những dư âm và những hình bóng dị thường. Của một ngôi nhà hành lang là linh hồn. Nó có một đời sống và một định mệnh riêng tây.

Cho bất cứ một kiến trúc nào hành lang là cái phần đắm chìm, mơ màng và phảng phất nhất. Đêm trên hành lang, tiếng chân anh vang động hơn. Đi trên một hành lang, đã thường hằng trong tôi là cái cảm tưởng đi trên một phím

dương cầm. Và ngọn đèn đêm kia đổ xuống bóng người cô đơn trở về, ngọn đèn đó chính là con mắt ráo hoảnh của đêm thao thức không cùng mở lớn.

*

Tuần lễ vừa qua, để thay đổi một không khí, thấy khác một vùng trời, đến ở mấy ngày tại một khách sạn miền núi, khi rời khách sạn, cái hình ảnh duy nhất còn lại trong tôi vẫn là cái hình ảnh thăm thăm ấy của một hành lang. Đó là một lối đi rất dài và rất rộng, như một con sông chảy giữa những bờ tường. Lên khỏi cầu thang, sau những cột gỗ nghiêm nặng, cái thế giới ngưng đọng tịch mịch thành linh hiện ra trước tầm mắt. Những bước chân tôi cũng thành linh bật tiếng. Một tấm thảm dày đã thu hút hết mọi tiếng động. Không khí ở đây lạnh buốt. Hành lang nằm giữa lòng một kiến trúc nhiều

tầng bát ngát. Ở đây là đêm và ngày không phân định, sáng và trưa cùng mơ hồ, cái tranh tối và tranh sáng trộn lẫn, tối và sáng cùng vô tính như nhau. Thoạt đầu tôi không phân định được gì. Hành lang nào cũng thế. Phút thứ nhất nó chỉ là một hình thể trống trơn và vô nghĩa. Hai bên, những căn buồng đóng kín. Hành lang chạy ở ngoài, xa lạ với mọi cuộc sống bên trong. Nhưng từng phút rồi từng phút những cái ngưng đọng những cái vô hình, những cái phảng phất đã quanh tôi dần dần vây kín. Bằng một nghìn con mắt yên lặng hành lang đang yên lặng nhìn người. Tôi bàng hoàng. Tôi im lặng theo. Và tôi không nhằm được nữa. Tất cả đã tới đây, tất cả còn nguyên vẹn. Thứ hơi lạnh chạy dài trên suốt khắp mặt thảm chính là cái hơi thở của nhiều mùa đã được chuyên chở tới chốn này. Và trong hơi thở ấy, có cỏ, có sương,

có rừng có núi. Những chiều mưa làm nhòa nhạt mọi khung kính, núi rét mướt đứng. Những đêm mùa đông, thông một triệu gốc lạnh, lời thác cũng buồn rầu. Những buổi trưa mùa thu, một cánh bướm bay lạc trong nắng, dưới thật xa thung lũng. Những tinh sương kín đặc sương mù, rừng mang linh hồn biển, và trên những con đường nhỏ của rừng, lá từng từng rơi xuống, lá dẹt thành một tấm thảm dày, ở đó không một dấu chân nào đi qua.

*

Không biết bằng một hình thái chuyên chở nào, từ những con thuyền, từ những dòng suối nào, tất cả đã tới đây. Tất cả. Những màu của trời, những hình của đất. Ở một góc tối kia, tôi đang nhìn thấy chúng. Nhìn thấy cái khuất đi của dải mây vừa mất sau một triển núi, cái

hiện ra của những đỉnh thông chột chói lọi mặt trời, cái thoang thoáng của một cánh chim trên nền lá xanh lam, và đêm, cái điểm ướn át lung linh của một vì sao trên một nhũ đá.

Hàng lang này của một khách sạn miền núi đã đón nhận hết mọi ảnh tượng thiên nhiên vào cái bình kỳ diệu của nó như mọi hành lang khách sạn thành phố đã lưu giữ những dấu tích muôn mặt của đời sống phố phường. Tất cả đã tới đây. Không nhìn thấy chúng chỉ thấy chúng đi qua và mất hút. Nhìn thấy chúng, mới thấy chúng còn nguyên vẹn đó. Và tôi đã nhìn, đã nghe thấy. Tiếng một hòn đá cách biệt lăn trên một đầu dốc vắng. Tiếng một đài hoa cựa mình, một nhánh lá thở dài, những tâm sự thì thầm của cỏ, những dấu chân của một con vật chạy

luồn, và đuổi theo nó là cái tiếng động khô gọn của một cành khô vừa gãy.

*

Tôi không tưởng tượng đâu. Hoặc là có, tưởng tượng tôi, từ chỗ đứng một hành lang, chắc chắn phải thật hơn gấp nghìn lần sự thật. Nếu ngôi nhà là biểu tượng cho toàn thể cuộc đời, hành lang chính là nơi cuộc đời ta đi qua, và để lại những dấu tích muôn nghìn của nó. Hành lang với tôi là cái dẫn tới, dấu chỉ khoảng khắc. Hành lang là cái mở ra dấu chỉ rất nửa vời. Lên hết một cầu thang, trở về phòng mình, cái lối đi dài thăm ấy là ranh giới của cái Riêng, và cái Chung, chính là một trạm hẹn, một gặp gỡ. Định mệnh người không thành tựu hay tan nát đều ở đó. Nhưng từ đó mà những định mệnh khởi đầu. Người bệnh nhân

trên xe lăn lăn giữa hành thang, ở giữa hai bờ sống chết. Ấn tử hình vào phòng hơi ngạt, và hành lang là hình ảnh của sự thật cuối cùng.

*

Tôi rời khỏi cái khách sạn miền núi một buổi sáng mưa phùn. Căn phòng tôi đã đến ở, phút bỏ đi không một chút lưu luyến. Người bồi phòng đã vào, làm mới chăn đệm cho một người khách trọ khác. Người ta đã mở hết mọi khung cửa. Ánh sáng lùa vào, đánh tạt đi hết mọi dấu vết đêm qua. Nhưng bước ra ngoài hành lang, những thước không khí của ngưng đoạn lạ lùng vẫn vây bọc lấy tôi như cũ. Vẫn cái tranh tối tranh sáng thấp thoáng những bóng hình động ảnh. Những mùa thu này vẫn nằm ở một xó góc kia. Những hình núi và những bóng rừng ngoài kia vẫn đây, trên những thuyền

hoa đỏ. Tất cả đã được chuyển chở tới đây. Hành lang là một lòng giếng. Tất cả còn nguyên vẹn. Tầm thăm dày không vang lên một tiếng chân nào khi tôi bước xuống cầu thang. Vậy mà đi khỏi khách sạn một quãng xa lúc nhìn trở lại, những con mắt của yên lặng và bóng tối từ trên một hành lang mang hình ảnh một lối đời ở đó có những gặp gỡ và những dấu tích để lại của cái tôi muốn gọi tên và những định mệnh tình cờ, những định mệnh khoảnh khắc, còn đăm đăm còn im lặng nhìn theo.

KHỞI HÀNH – Tuần báo văn học
nghệ thuật ra ngày thứ năm số 18, ngày
28-8-1969.

QUÁN BỆNH

Ánh đèn tranh tối tranh sáng
gợi nhớ lại những xó góc tổ
tình kín khuất của những vũ trường hồi
sàn nhảy còn toàn thịnh, với bấy vũ nữ
yêu tinh mang đầy tay những bùa ngải
mê ngất lượn lơ giữa những hàng ghế,
và thành phố về đêm chưa giới nghiêm.
Ở đây, thanh tịnh và trang nghiêm, trầm
tư và mơ màng, không có một bóng vũ
nữ nào. Cũng không, tuyệt nhiên không,
những bàn tay lơ là lợi dụng bóng tối

và kiếm tìm trong bóng tối. Trạng thái đèn lửa chập chờn sáng tối ở đây chừng như chỉ có, vì và cho một mục đích duy nhất: nhận chìm đi những hình ảnh, cho nổi bật những hình bóng, đánh nhòa những bề mặt rạng rỡ cho phảng phất một chiều sâu buồn rầu, nỗ lực tạo dựng bằng được một thứ không khí chìm đắm bất thường không đối tượng.

Đêm tháng tám bên ngoài bát ngát sao. Trong những lùm cây xôn xao, gió múa những thuyền đầy. Hè phố bên kia, dưới một khung ánh sáng hình tròn, một bầu trẻ nhỏ nhảy dây. Và la hét. Và đùa nghịch. Trong này, khác hẳn. Tôi lắng tai nghe, tịnh không thấy nổi lên một tiếng cười nào. Chỉ thiếu những ngọn nến lung linh, và những lời kinh cầu, anh có thể lầm nơi chốn này với một giáo đường thu nhỏ. Và thần thánh ở đây chỉ

là một số người trẻ tuổi kỳ lạ. Đám người trẻ tuổi này, ngồi chụm đầu thành từng chùm sâu hay từng nhánh đau, hay xếp hàng,

vai sát vai, suốt dọc hai chiều tường, tới đây tự lúc nào không hay, nhưng hết thấy đã tới, kín đặc trên những hàng ghế, hết thấy đã biến thành những pho tượng. Không một người nào nói thừa. Không ai nhìn ai. Kẻ bên ta một đời xa lạ.

Không ai nói với ai một lời nào. Tha nhân là địa ngục. Bằng những mái tóc cúi thấp, bằng những vai gầy nghiêng nghiêng, bằng những tròng mắt lim dim, bằng những cặp chân duỗi dài, mỗi nhọc, rất hư vô và rất bóng hình, đám người trẻ tuổi của thế kỷ hoa hồng này, ngồi đó, im lặng và bất động, nhạt nhòa dưới một trận mưa không tiếng và vô hình lướt thướt. Như thế thật lâu. Thật lâu. Rồi

cuối đáy căn phòng, một phiến tường đột ngột sáng rực. Trước phiến tường, người trẻ tuổi cuối cùng của bảy người trẻ tuổi thành linh xuất hiện. Cái nhánh cây thanh xuân buồn đau thê thảm này ôm trước ngực một cây đàn lớn. Những ngón tay gầy nhấn buông vài phím. Một phút mặc niệm. Và bài hát tang chế bắt đầu với những lời dẫn nhập kỳ dị.

Tôi lắng tai, cố gắng theo dõi, nhưng chịu không tài nào thấu hiểu được ý nghĩa lời dẫn nhập cho ca khúc sắp hát, đang được, cái nhành đau, cái khối sầu cuối đáy phòng kia đọc kính cẩn và run rẩy từng lời như những lời kinh. Cái cõi ngôn ngữ quái đản ấy là những chùm gai không hình thù lãnh đăng trôi trên một biển sương mù. Tôi sắp hát cho đời nghe đây, một ca khúc tuổi trẻ, người hát nói. Nhạc chúng ta, đau, sầu và đen. Đi

tới một cuối đường kia, ta bắt gặp cuộc tình không bao giờ thấy mặt. Chúng con đã trở về đây, giữa lòng quê hương tan nát, hỡi cha, hỡi mẹ, hỡi anh, hỡi chị, hỡi em, chúng ta đen, chúng ta đau, chúng ta sầu, mười ngón tay gầy hãy đưa lên, làm mặt trời, che cho kín khắp phiến buồn mười sáu. Đại khái như thế. Vô nghĩa, mê loạn, đồng điệp và mộng du như thế, lời dẫn nhập kỳ dị. Rồi người hát bắt đầu đánh đàn và hát. Anh ta hát, thật mê đắm, thật sai, thật vỡ, thật đau đớn và tội tình hát. Những lời dẫn nhập quái gở vô nghĩa mất tích vào bóng tối, những lời hát đứt rời rơi rụng lả tả xuống mặt đàn. Điều kỳ quái nhất là xem chừng chuyện đó cũng chẳng hề gì. Người hát hát cho riêng mình nghe. Những người đến nghe không nghe người đang hát. Dưới trận mưa không tiếng, vô hình, những khối sầu tuổi trẻ, những «phiến buồn không

tên” vẫn ngồi đó, bất động, như từng pho tượng lạnh. Không có can đảm đợi chờ đến bài hát thứ hai, tôi trả tiền, đứng lên và đi ra.

*

Những loài nấm dại, như từng hòn hoang đảo, như những ga sâu vĩ đại của đêm đen », tôi mượn một danh từ của Chế Lan Viên, những quán nhạc, những phòng trà tuổi trẻ, đang mọc lên, ngày một nhiều giữa thành phố chúng ta. Mỗi buổi chiều, khi trời tím lại sau những tòa nhà chọc trời, tiếng súng ngoài xa vọng về, và hỏa châu sáng trên những địa hình ven đô thành phố, hàng nghìn người trẻ tuổi chúng ta đã tới đó, ngủ tiếp giấc ngủ chiều ma quỷ. Xã hội này thù nghịch. Thời đại này bất toàn. Hiện tại này xa lạ và tương lai kia mịt mù. Đường tuổi trẻ lầy lội. Trời tuổi trẻ mưa

bay. Và những người trẻ tuổi của chúng ta đã tới gặp nhau, như những cánh rơi vỡ đập rã rời trong một hầm đá tối thẳm. Họ mới mười bảy thôi. Nhưng đôi mắt đã nhăn, chân trời đã mờ, trông mắt đã tối, hoài nghi đã là. Họ mới mười tám thôi. Nhưng ngón tay đã gầy, khối sần đã lớn, chúa nhật đã buồn, chăn chiếu đã lạnh. Họ mới hai mươi thôi. Nhưng tóc thôi rụng gió, miệng chẳng nụ cười, hồn không ánh sáng. Và họ tới ngồi đó, trong những quán nhạc kia, những quán nhạc như nơi trú ẩn cuối cùng nhận những ca khúc sâu thẳm lướt thướt làm tiếng nói của mình, chìm đắm, nhạt nhòa, trong một trăm tư không đối tượng.

*

Cảnh tượng bấy người trẻ tuổi cúi đầu thành những pho tượng lạnh, chìm đắm bất động, tôi gặp trong một quán

nhạc diễn hình cho sinh hoạt tuổi trẻ kia còn đuổi theo tôi ra tới ngoài đường. Không khí bệnh hoạn, thêm thiếp đen như đêm, xanh như lá ở đó khiến tôi liên tưởng tới cảnh tượng khác, lần vào thăm một người bạn đau nằm trong một bệnh viện. Cũng thế. Trong những căn buồng đánh số, giữa mùng màn trắng toát, những cuộc đời nhọc mỏi lim dim. Không ai nhìn ai. Ngôn ngữ là thừa. Không một ai nói với ai một lời nào. “Tha nhân là địa ngục”. Nước biển trên đỉnh màn, từng giọt và từng giọt. Trong trưa nắng đã nghe tiếng chiều tàn. Mới sớm mai mà trong vườn đời kia, đã rụng nhành hoa đỏ.

Bệnh viện ấy và quán nhạc kia đều cùng một thế giới. Các thế giới lặng lẽ của những người nằm bệnh. Có khác là ở một nơi, người đau nằm trên giường, ống

thuốc cắm trên tay. Và một nơi, những người đau ngồi lặng, yếu đau bằng âm nhạc. Khác nữa, một đẳng, người đau thật có bệnh, và một đẳng, chỉ là bệnh tưởng đau.

*

Có phải nói với một lớp người tuổi trẻ của chúng ta rằng những cuộc sống bông hoa phải được trồng cấy dưới mặt trời, rằng nếu một khởi hành chưa tới, khởi hành ấy thiết yếu phải có, và tuổi trẻ nào cũng mang trong nó một kho tàng châu ngọc là cái sức phản chống mãnh liệt, bởi vì tuổi trẻ như thế, nó dưng cảm lên đài khi tiếng công kinh dị nổi lên? Tôi nghĩ là phải có. Phải nói. Giã từ những lớp chiếu chăn ấm lạnh, ra khỏi mọi trạng thái chìm đắm, thoát khỏi một hầm đá tối, thức tỉnh khỏi giấc ngủ buổi chiều ma quỷ, hành động tự cứu và tự

thành của một người trẻ tuổi là phải làm sao ở xa những trận mưa cường toan đang đổ xuống đời mình.

Thế kỷ này, xã hội này, thời đại này có thể mang những bộ mặt thù nghịch, nhưng nhất định thế giới của một người trẻ tuổi không phải là cái tranh tối tranh sáng chập chờn, u uất của quán nhạc kia, ở đó không có gì hơn là những lời dẫn nhập quái đản cho một loại ca khúc phản bội lại cái thực chất, cái tâm hồn đích thực của tuổi trẻ. Tôi muốn nghĩ và muốn tin rằng một buổi chiều kia, trong quán nhạc ấy, người nhạc sĩ trẻ tuổi ôm đàn hát khúc hát dành cho cõi chết, sẽ ném cây đàn đau và những lời hát bệnh và đi ra.

Cuộc đời ngoài kia không sáng hồng mộng tưởng đâu. Nhưng trong đêm, tuổi trẻ sẽ trang nghiêm đốt lên với nhau

một ánh lửa nhận đường. Chính ánh lửa nhận đường ấy là vì sao bản mệnh của anh. Từ vì sao nhận đường này, anh sẽ đi tới, sẽ bắt gặp những trời sao khác.

KHỞI HÀNH – Tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm số 19, ngày 04-9-1969.

TIẾNG THƠ BÍCH KHÊ

Nhìn vào cái tổng hợp rối rắm, phức tạp làm bằng những tảng mạn riêng lẻ là vòm trời thi ca tiền chiến, người ta thấy hai hiện tượng sao. Một mặt là những vì sao nằm đó, trong lòng ngân hà đời sống, một mặt là những vì sao còn lại, ở ngoài giòng ngân hà, quay một mình trên một quỹ đạo riêng. Tách thoát khỏi đời sống, ở phía bên này một lũy hoa cá nhân vây bọc, rút lên một tháp ngà và ném thang không xuống nữa, làm

nắng mưa riêng cho vũ trụ mình, một tiếng thơ tiền chiến ở trường hợp này, thành. Tìm hòa nhập vào đời sống, bằng sử dụng cái ngôn ngữ nhân gian quảng đại thường hằng, bằng nỗ lực và nhiệt tình biểu hiện cái khát vọng chung, cái hình dáng lớn cái tâm thức bao quát của thời đại mình, ở trường hợp này, mọi tiếng thơ tiền chiến, dù là tài năng chói lọi, đã thất bại. Những cỗi thành và những cỗi không thành ấy, ở bên này và ở bên kia đời sống, là tất cả lịch sử, bộ mặt của thi ca ta trước chiến tranh. Đi vào trù tượng, đi vào hư vô, thơ tiền chiến đã đi. Đã tới. Đi tới đâu cũng được. Tới huyền diệu mang màu xanh một ánh trắng hằng cửu mệnh mông, như Hàn Mặc Tử. Tới tạo vật và vũ trụ như một nôi hồng, như Huy Cận. Tới hồng hoang và những đầu ngọn của tạo lập khởi thủy, như Đinh Hùng. Tới phế hưng xưa

và chôn vùi cũ như Chế Lan Viên, Đều tới. Đều tới hết. Tới như thế nào là một chuyện khác. Nhưng đều đi và đều đã tới bến.

Thét đến khi đi vào đời sống, như Xuân Diệu bằng ngô hồng thanh niên, như Thâm Tâm bằng ngô cụt thời thế, như Trần Huyền Trân bằng ngô lây xã hội, như Nguyễn Bính bằng lối cỏ đồng, mọi khởi hành đi xuống vũng biển vàng đời sống xôn xao đều nửa chừng đường và đều thất bại. Thơ tiền chiến hay ở những người đi đêm. Thơ tiền chiến có hào quang lại chỉ ở những nơi thi sĩ nằm kỹ một đời trong bóng tối và thạch động lạnh buốt. Như phải tu mới thành đạo. Phải chết mới thành đời. Đi giữa ban ngày, dưới mặt trời và nhằm hướng đời đi tới, sao những bước chân tiền chiến vụng dại, sao những con đường tiền

chiến dứt khúc, sao những tiếng thơ tiền chiến nhọt nhạt. Không bằng đời sống thì thành. Bằng đời sống thì bất toàn, tan nát, gãy vụn. Người ta có thể đi đến kết luận này: đời sống, hiểu nó có cá nhân còn phải bằng tập thể, không thể riêng ta còn phải là người, thì đời sống là kẻ thù của thi sĩ. Kẻ thù chính và kẻ thù lớn nhất.

Vậy mà đời sống, với cả một thể hệ thi nhân tiền chiến lại là người tình nhân muôn đời lớn nhất, mê đắm và bùa ngải nhất. Cái xôn xao, cái cuống quýt, cái nghiêng đổ thân thể, cái sắp ngửa hình hài, cái mê loạn thần phách, chúng ta không còn làm sao tìm thấy trong cõi thơ trí tuệ trong suốt bây giờ, lại là cái phong cách biểu hiện quá độ ấy của người làm thơ lớp trước chạy đuổi đời sống bằng những niềm đam mê thất đảm, muốn

ôm ghì đời sống mà thương. Bằng thơ, sống là một đòi hỏi được tiếp nhận. Với thơ sống là một hiện tượng mùa. Nó phải đến với thi sĩ trên một chiếc khay vàng. Là cái chất rượu quý kia, và với người, rượu đã quý còn phải đựng đầy trong một cái bình bằng ngọc. Một trái cây chín đỏ trên cành. Và muốn hái. Một biển hân hoan, một rừng vui thú. Và muốn tới. Cuộc sống với nhà thơ tiền chiến là thế. Một thiên đường phải đâu là một địa ngục. Một vườn xuân phải đâu là một sa mạc. Nhà thơ tiền chiến thêm chất ngọt của mật, nét cong vút của một ngón tay ngà, chất mềm mại của một tà áo lụa, cái thanh thoát của một đài hoa, cái ý lực muốn sống tràn đầy, thơ tiền chiến nói chung là một khát vọng tận hưởng. Nó từ chối nhìn đời như một trái đắng. Nhánh đời tươi thắm và diễm lệ, nhánh đời tuyệt nhiên không thể là một

nhành gai độc. Tôi đi trên song loan. Vào đời bằng mộng tưởng. Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào người. Xuân Diệu đó. Trắng, trắng trắng là trắng trắng trắng. Hàn Mặc Tử kia. Nữ thần ơi ta nô lệ bên người. Bích Khê. Mời em đi lên đường khinh thanh. Đinh Hùng trang trọng mời. Trắng của nhà ai trắng một phương. Vũ Hoàng Chương sâu thăm gọi. Trong dằng dặc tiến trình và chuyển hóa thi ca Việt Nam, chưa từng bao giờ có một dòng thơ gồm thành của những tiếng thơ đồng loạt đòi sống, đòi yêu, xin cho, xin nhận, mở rộng vòng tay đón đời như vậy. Vậy mà giữa thơ và đời sống cuối cùng không phải là hôn nhân. Mà chỉ là ly dị. Tại sao như vậy? Câu trả lời là: thi nhân tiền chiến có thể là một thiên tài. Nhưng muốn xem đời như tình nhân, mà nhà thơ lại là người tình dở nhất. Bị hắt hủi phụ bạc, chỉ là không biết yêu.

Bởi vì tình yêu cũng có những quy luật.

*

Không cứ phải chung sống dưới một mái nhà, chia uống ngụm nước, cùng ngắm một dòng sông, người ta mới yêu được nhau. Câu này là lời mở vào tập thơ Quê Ngoại của Hồ Dzếnh. Chưa toàn vẹn nhưng nhận thức còn hàm hồ này về tình yêu, đã là một tiến bộ. Đã phảng phất một thấu hiểu khởi đầu về quy luật. Quy luật thứ nhất đặt ra cho kẻ muốn “hái nhành hoa đỏ” của đời là tuyệt đối anh không được ngắm nhìn đời sống như một ảo tưởng. Mọi ngộ nhận, mọi giả định đều không được phép. Ảo tưởng là một sáng chế vô bằng và mù lòa. Ảo tưởng là sai lạc, bởi tiên khởi nên cực kỳ trầm trọng. Người có ảo tưởng, ảo tưởng trở thành sở hữu, nhưng chính sở hữu cũng vẫn chỉ là ảo tưởng mà thôi.

Mãi sau này Chế Lan Viên mới thấy:

Lối đi nhân thế hoa còn mọc

Trái đỏ vườn vui còn ngậm sương

Đã quá mùa đau, phai tiếng khóc

Áo xuân em hãy xuống thăm vườn.

Thăm. Phải thăm trước đã. Thăm để nhận diện đời sống, phục hồi cho đời sống cái thực chất hằng cửu của nó, là mặc dầu hân hoan hay bị thảm tới đâu, đời sống không hề mang toàn vẹn khuôn mặt một địa ngục, hay khuôn mặt một thiên đường. Thơ cũng không biến đời sống thành thiên đường, hay thả được quỷ ma đầy đường cho thành địa ngục. Người ta khám phá được cốt tính và uyên nguyên cấu thành những cõi thơ tiền chiến đầy đặc những ảo tưởng choáng váng, những giả định ngây ngất,

mà khỏi phải truy tìm hoàn cảnh xã hội, hoàn cảnh lịch sử thời bấy giờ, là ở điểm này: nhà thơ không làm sao nhìn đời như một huyền diệu có thật, chỉ thấy được tạo vật, cuộc đời, hết thấy như một huyền diệu phóng thể của một giấc mơ. Phần lớn trường hợp những “thi sĩ thần linh” (danh từ này về Bích Khê là của Hàn Mặc Tử) do nơi thi sĩ muốn ôm lấy những mặt trời mà thiếu vắng hoàn toàn những điều kiện nhập cuộc cần thiết. Thế cho nên chạm tới đời sống, lập tức bị đời sống đẩy bật lại. Người ta hiểu được tại sao, cuối cùng, những tiếng thơ xuất chúng nhất của dòng thơ tiền chiến đã từ đời sống đi ra. Hiểu được tại sao những tiếng thơ ấy cuối cùng bay vào siêu thực, ngả sang tượng trưng. Và tại sao cái nỗ lực lớn nhất của những tiếng thơ ấy là làm khác đi đời sống, nỗ lực ấy đã thất bại.

Giữa những tiếng thơ đồng thời, ngự riêng trên một đỉnh ngôn ngữ, làm chủ một thế giới, Bích Khê đã là một nhà thơ lớn. Nhìn thực tế, thực tế trở thành chiêm bao. Nhìn chiêm bao lại thấy xô sang địa hạt huyền diệu (vẫn nhận xét của Hàn Mặc Tử) tác giả Tình Huyết, theo ý tôi, hội đủ trong ông cái khả năng vượt bậc của một thiên tài. Nhưng thiên tài đã sử dụng lầm thiên tài mình. Bích Khê là một thiên tài tự hủy. Cái ngọn lửa hồng đó tự đốt cháy nó. Sự thức tỉnh ấy tự đồng thiếp nó. Cõi ngôn ngữ đáng lẽ nguy nga ấy tự nhận nó chìm đắm trong một mê sảng lướt thướt. Và Chết. Người ta không thể nhìn được cái trạng thái đau khổ, tiếng kêu thét kinh

hoàng, niềm tuyệt vọng cùng cực trong cõi thơ và tiếng thơ Bích Khê thành một tri thức chung, cái tri thức của một thời, bao giờ cũng được nhìn thấy trước bằng tâm hồn viễn kiến của thi sĩ. Trái rộng tới trăng sao, tràn chiếm tới huyền diệu, vươn tới chín tầng hư vô, hay đi hết bảy cửa địa ngục, cõi thơ Bích Khê cuối cùng vẫn chỉ là cái cõi thơ đậm chân một chỗ, làm âm binh cho phù thủy là mình. Không nắm được những quy luật đời sống, không thể là một thi sĩ lớn. Thảm kịch của những nhà thơ tiền chiến, trong đó có Bích Khê là ở đó. Thơ là rung động. Thơ còn phải là trí tuệ. Những địa hạt đích thực huyền diệu chỉ đạt bằng một trí tuệ minh mẫn, tỉnh thức, sáng chói. “Sự điên cuồng uyên nguyên một phần từ thiên tài” Hàn Mặc Tử còn nói về Bích Khê, như vậy. Lầm. Thiên tài theo ý tôi

chỉ là hiện tượng kết hợp mọi tinh hoa
tản mạn của tập thể, của đồng loại, trong
một người. Tiếng thơ Bích Khê không
cho tôi được nhìn thấy như thế.

KHỞI HÀNH – Tuần báo văn học
nghệ thuật ra ngày thứ năm số 20, ngày
11-9-1969.

TỬ HÌNH CHO MÀU XANH

Tôi còn nhớ năm ngoái, cũng vào tháng này, trong một buổi tiếp tân tại tư thất một người bạn làm phóng viên cho nhiều hãng thông tấn quốc tế, một nữ phóng viên Gia Nã Đại đã tươi cười trả lời, lập tức, khi tôi hỏi cô về những vẻ đẹp hàng đầu đáng ghi nhớ nhất về thủ đô và thành phố chúng ta:

– Thì đó, những cái đẹp tươi sáng của một thành phố nhiệt đới, gần biển. Cái đẹp rục rờ của những mái ngói đỏ

chói, rười rượi của những bức tường nắng vàng. Cái nắng trên thành phố này vạm vỡ và nhảy múa. Bởi vậy mà Sài Gòn không phải là một thị trấn buồn rầu.

Rồi im lặng một giây và ngàn lần yêu thích hơn:

– Đẹp nhất là màu xanh. Phải, đẹp nhất là cái cối lá xanh, bóng xanh đậm, nhạt, bát ngát của Sài Gòn. Đâu đâu ở đây, tôi cũng gặp những con đường mát lạnh dưới lá, những thảm cỏ ngon mắt, những hàng cây cao vút, những công viên um tùm. Ít có một kinh thành thế giới bây giờ còn giữ gìn được trên nó nhiều màu xanh và nhiều cây cối như vậy. Anh không thấy sao?

Thấy. Nhưng từ một mùa mưa năm ngoái đến mùa mưa năm nay, những vẻ đẹp của Sài Gòn, mà mùa mưa năm nay,

những vẻ đẹp của Sài Gòn, mà người nữ phóng viên ngoại quốc khả ái kia đã đáp tàu về nước và đã mang theo, những vẻ đẹp ấy không còn nguyên vẹn nữa. Thành phố chúng ta vẫn đẹp. Cái nắng buổi trưa ở đây vẫn rực rỡ, cái nắng buổi sớm vẫn óng ánh, cái nắng buổi chiều vẫn dịu dàng. Đường Hồng Thập Tự, đường Hiền Vương, vẫn những mái ngói đỏ chói, những bức tường vàng nắng nằm dưới những tàng cây xanh lam. Trên những con đường đi vào Chợ Lớn, khởi từ phía Ngã Bảy, vẫn những hàng cây cao vút xếp hàng. Sài Gòn còn hoa trên những gờ mái, còn lá trên những đầu cổng, và cỏ phố của nhiều khu vực vẫn tươi xanh như thể cỏ đồng. Nhưng cái lưới xanh, cái thảm lục, cái mái biếc, cái vòm bóng mát bóng râm um tùm đậm đặc ấy đang ngày lại ngày thu nhỏ mãi lại.

Loạt án tử hình thứ nhất đã dính vào những thân cây. Những cội xanh trên cành, những cội xanh ngang trời, những vòm xanh trên đầu đang rụng xuống. Tan vỡ. Nứt nở. Không phải! Là ở những cánh rừng biên giới, những mật khu sinh lý, những độc đạo hành quân, mà đã lan nhập vào đây, cái hiện tượng khai quang. Tôi nghĩ mỗi gốc cây khô, mỗi đời cây chết, mỗi vì cành héo rũ và mỗi đỉnh cây chặt cụt của Sài Gòn nếu cùng được, trước giờ hóa kiếp đồng loạt kêu lên, cái tiếng kêu của tập đoàn xanh lam đang chịu án tử hình sẽ là một tiếng khóc lớn lao kín trùm và thê thiết hơn hồi còi báo động về đêm.

Khu phố tôi ở từ đầu năm nay cũng có thật nhiều những tiếng khóc nứt nở không tiếng ấy của loài cây phố. Từ một năm nào, lòng đường ở đây đã được mở

rộng một lần. Con phố hẹp chật một chiều mang trong nó cái ngưng đọng thơ mộng của một linh hồn ngõ đã biến hình. Hai mái tóc cây song song thành linh mất đi một mái. Những hàng dây điện ở một phía, thôi hết thấp thoáng. Những lũy mái nhà, ở một phía, chẳng còn vông xanh. Cũng phía đó, từng buổi sớm nắng, bóng lá thôi nháy múa trên tường, và từng buổi chiều mưa, những bậc thềm, những đầu cổng hói đầu đã mất đi cái âm thanh va đập lạt sạt. Xe cộ có chảy vào đông hơn. Thành một dòng suối mới.

Nhưng lòng phố cũ mang hình ảnh của hai bờ xanh lam ôm ấp, cái con suối cũ đã một bờ cái áo lá dịu dàng lướt thướt bay đi. Và bây giờ, thì trên cái phía còn lại bên này, là những đời cây chết tiếp. Thật là một cảnh tượng tội nghiệp.

Thê thảm. Và phản mỹ thuật. Từ cửa sổ buông tôi ngó ra, nhìn dọc theo một hè đường chột quang đặng bằng một quang đặng bất thường, từng buổi sớm thức dậy, tôi đã chứng kiến cái tiến trình ghê rợn ấy của một hàng cây phố trút thoát dần dần mọi thể lượng sinh khí. Những đời cây rụng tóc đen dần. Khô dần. Chết dần. Cái trạng thái rũ liệt đồng loạt này của thảo mộc đứng thẳng chậm, và chắc chắn. Nối đuôi nhau, bước từng bước một, cây chịu tội tiến vào phòng hơi ngạt. Xếp thành hàng dưới trời xanh, cây thôi xanh, cây vào pháp trường.

Đêm hôm qua, đã hàng chục khúc cành khô teo ngã xuống. Lá đã chết từ lâu. Cái chết đầu của lá chỉ còn là kỷ niệm. Trơ trụi, đen thui, mang toàn vẹn cái cảnh tượng ngao ngán của một khu rừng đốt rẫy, cảnh hỏa thiêu chết đứng

một hàng dài. Và tôi nghĩ đến đoản thiên “Chiếc lá cuối cùng”. Đến cô nhỏ tê liệt nhìn ra từ một bờ cửa sổ. Cái cây trước khung cửa là người bạn duy nhất. Mùa đông dài. Tuyết đời hung dữ. Mỗi buổi sớm một phiến lá rụng xuống. Trên một đầu cành, chỉ còn một phiến lá cuối cùng. Chiếc lá cuối chót ấy đậu lâu hơn. Được một buổi sáng thêm. Thêm một buổi sáng nữa. Chỉ là gã da đen làm vườn nhân hậu đã lên buộc vào cuống lá một sợi chỉ. Nhưng rồi phiến lá cuối cùng rồi một buổi sáng kia vẫn rụng. Và trên một chiếc xe lăn, đứa nhỏ tê liệt đã chết cùng. Vì cả hai đời cây cùng đã chết một màu xanh. Cây cối đang bị đe dọa trầm trọng của thành phố chúng ta đang cần những sợi chỉ ấy của người làm vườn da đen.

*

Chiều nay, đứng trên cái thượng tầng lộ thiên và cao ngất của một khách sạn bảy tầng ngó xuống, bằng cái nhìn thấy phút này đem đối chiếu với cái đã nhìn thấy và còn lưu giữ của một ấn tượng trí nhớ quen thuộc chưa rời bỏ, tôi đã bỏ ngỡ với một cảnh tượng thành phố trải rộng trước tầm mắt. Mới ngày nào đây thôi, cái chung quanh tôi còn là một biển xanh lam. Cõi lá xanh là một đại dương menh mông. Những chùm mái nhà nhấp nhô tự đó ngoi lên, mới chỉ như những vùng quần đảo nhỏ.

Thành phố là một khu vườn vĩ đại tràn chiếm. Nhà cửa nghỉ ngơi ở giữa. Mỗi ngôi nhà mang linh hồn một biệt thự. Lá đỡ mái, thành những vòng tay tình nhân. Cành nghiêng tường, thành những mái đầu bằng hữu. Buổi chiều, gió nổi, cái cảnh tượng um tùm dịu dàng

chuyên động. Năng gổ đầu trên những tàng cây là sóng mùa. Gió thổi qua trên những vông cây là thuyền trôi. Và buổi tối, và ban đêm, những ánh điện là những vì sao lấp lánh trên một nền trời là cái biển xanh muôn trùng trải khắp. Bây giờ, biển ấy đã rút xuống. Trời ấy đã sập rồi. Và trên một hiện tượng khai quang, mọc lên, như nấm độc, như gai nhọn, những hình thù quái gở. Đó là những cột thu lôi, từng mũi nhọn hoắt chọc thủng nền trời. Đó là cái rừng dây điện đan dày hoa mắt. Đó là cái biển ăng-ten tua tủa, lổm chổm. Đó là những cột ống khói thả chất độc vào lênh láng những cống rãnh không gian. Đó là những nóc nhà trọc trời, những cái hộp lớn, lênh đênh vô lối. Đó là những lòng mái lỏa thể, những vì tường trần truồng. Thành phố thoát y. Thành phố hết là cái hiện tượng che nửa mặt hoa. Cái đầu nó trọc lốc. Cái

thân nó khô đét. Thay cho một tấm áo lụa xanh dịu dàng của cây, những khăn quàng mềm mại của lá, thành phố đang cắm dần thêm mãi, trên cái hình thể kim khí những chùm lông nhím mới. Và dưới thấp, những đời cỏ, những đời cành chết dần trên những nghĩa địa đường.

Những đời cây nhỏ mới ở đâu? Hãy mọc và hãy lớn mau lên. Tơ và chỉ mới, dâu và tằm, kén vàng óng và những thảm hoa xanh nõn ở đâu? Hãy may. Hãy dệt. Cho một thành phố, cho một thời đại, hãy đặt gấp những khung cửi, dựng gấp những vườn ươm, đan gấp những vông xanh, thêu gấp những áo biếc. Bởi vì nếu mỗi đời sống chúng ta là hình ảnh một đời cây, và nếu thời đại này như thành phố đang đổi thay, thì một trận lửa đốt rẫy và một liều thuốc khai quang đích thực đang hỏa thiêu và đang đánh dần

từng bản án tử hình lên những màu xanh, những chất xanh, và những tính xanh hiển hậu.

KHỞI HÀNH – Tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm số 22, ngày 25-9-1969.

HOẠT CẢNH

Một buổi tối, từ một tiệm ăn ở đường Lê Lợi đi ra, tôi đã đứng lại với một người bạn ngoại quốc, một lát, trước cái bồn nước của bùng binh Nguyễn Huệ. Hôm đó là một buổi tối thật đẹp trời. Sao rải lân tinh trên đầu chúng tôi.

Từ ngoài bến Bạch Đằng, không khí thoáng mát thânh thang chở tới những con thuyền đầy của gió. Một bầy trẻ nhỏ

đứng vây thành một vòng đai đặc kín lấy cái bồn hình tròn, ở giữa là những cây nước chảy ngược chiều, nở tung thành phơi phơi một trận mưa hoa. Từ mấy tháng nay, phía sau lưng pho tượng hai người lính thủy quân lục chiến cao ngất cầm súng hướng về mặt tiền tòa nhà Quốc Hội, những người làm công tác vẽ những đường sơn và kẻ những nét lông mày mỹ lệ cho khuôn mặt thành phố, đã cho nước chảy ngược lên trời ở bùng binh này. Nước nở hoa. Nước khiêu vũ.

Và cái hoạt cảnh ngoạn mục tối tối, chiều chiều, đã cuốn hút được cái nhìn mê thích của hàng nghìn em nhỏ. Người lớn nữa. Người lớn cũng thích. Những buổi sáng chủ nhật, đi qua khu ngã tư này, tôi đã nhìn thấy những người lính trẻ của chúng ta, những người lính sáng láng, đỉnh ngộ, về từ Quang Trung, về từ

Thủ Đức, dắt tay người yêu, ngắm nhìn nước mưa. Nhiều đêm mưa, tôi còn thấy, tuy đám người lớn tuổi đã bỏ đi, nhưng bấy trẻ nhỏ thì vẫn còn đứng lại. Những mái tóc lên sáu lượt thướt. Những cặp mắt thỏ non mở lớn. Đám nhi đồng thành phố chịu trận mưa rào, đứng đó, nắm chặt tay nhau, nhìn nước ngược chiều, khiêu vũ giữa không gian.

Người bạn ngoại quốc khi nghe tôi thuật lại là chiều chiều, khi nắng Sài Gòn đã nhạt trên nóc những tòa nhà chọc trời, bao giờ cũng có một đám đông thuộc đủ mọi lứa tuổi của chúng ta đến ngắm nhìn cái cảnh tượng nước chảy ngược chiều như vậy, đã lấy làm ngạc nhiên lắm. Thành phố anh có không biết bao nhiêu cảnh tượng ngoạn mục gấp nghìn lần hơn nữa, anh ta nói. Những cây hoa nước này tầm thường, có đẹp nhưng đẹp

chẳng bao nhiêu, anh ta nói, thế mà trẻ nhỏ và người lớn ở đây đã lấy làm thích thú lắm hay sao?

Xong câu hỏi, người bạn khác biệt với tôi một vùng trời sinh trưởng đã bỏ đi, để mình tôi đứng lại. Tôi đứng lại, tôi nhìn, một lần nữa cái hoạt cảnh của nước chảy ngược, và bất chợt tôi khám phá được một điều. Như thế này. Những cây nước chảy ngược giữa bùng binh kia sở dĩ chiều nào cũng có hàng trăm người tới ngắm, bởi vì chúng là hình ảnh của một khao khát, biểu tượng của một chờ đợi. Hoạt cảnh của nước mưa là một cảnh tượng thái bình. Và dân tộc chúng ta, từ hai mươi năm nay, đã chỉ nhìn thấy những hoạt cảnh khác.

*

Phải, từ hai mươi năm nay, trẻ nhỏ, người lớn, nhi đồng tóc xanh và phụ lão tóc bạc của chúng ta, đã chỉ được nhìn thấy những hoạt cảnh rừng rợn. Tôi cũng vậy. Quá khứ và hồi tưởng tôi, từ hai mươi năm, trong muôn vàn cảnh tượng, chỉ toàn khắp, chỉ kín trùm những cảnh tượng chiến tranh, mà không hề có ghi lại được, dù là thấp thoáng, dù là khoảnh khắc, một cảnh tượng hòa bình.

Tôi đứng nhìn nước mưa, Và tôi đã nhớ lại. Hết thấy. Trong một lần. Nhớ lại, trước hết là cái cảnh tượng của Hà Nội lúc thiên đô. Cây sập sau lưng. Nhà cháy bốn phía. Chiến lũy dựng trên những đường phố. Giao thông hào đào trong những lòng nhà. Trên những con đường mở ra năm cửa ô, những bầy người thất đảm kéo nhau đi, với những ngày tháng núi rừng điêu linh đợi chờ trước mặt.

Ra khỏi thành phố, những cảnh tượng hãi hùng đồng loạt của chiến thời mưa bão, phơi bày kín đặc theo từng dấu chân. Những cây cầu đổ gục chết chìm trên những dòng sông là mộ. Những con đường đào. Ụ đất cao ngất. Hầm hố chữ chi. Cầu khỉ chênh vênh vắt qua những vực thẳm choáng váng. Những phiến kính vỡ nứt nở, óng ánh nằm trong cỏ hoang ngút ngàn trên những thành phố tiêu thổ tôi đã đi qua. Những bậc thềm rêu phong, những vườn hoang và những bờ dậu đổ, những bức tường tàn tật và những thân cây cụt đầu, ở những thị trấn bên đường tôi đã dừng chân lại.

Nói đến hai mươi năm, hai mươi năm đau khổ vô chừng, nói làm sao cho hết. Những dấu tích của hủy hoại tan nát, lỗ chỗ trên toàn khắp hình hài và tâm thể ba miền đất nước, là bấy nhiêu

hoạt cảnh quái đản của một trường kịch tối đen của chúng ta đã nhìn ngắm, như thế suốt hai mươi năm trời chưa cần nói đến những người chết. Đừng nói vội đến những quan tài, đến những lòng huyết, cái chiều dày của những tờ khai tử, cái chiều cao của những tử thi. Hãy chỉ nói đến những xóm làng, những con đường, những thửa vườn, những cây cầu, những vì tường, những sự vật và những tĩnh vật mang tên Việt Nam, những hoạt cảnh phơi bày trước tròng mắt mê hoảng của chúng ta, hết thấy chỉ là những hoạt cảnh khốc liệt tan nát, của một cơn mộng dữ kéo dài chưa dứt.

*

Anh bạn ngoại quốc, tôi nghĩ anh đã hiểu tại sao, những vòi nước chảy ngược trên bùng binh kia, những vòi nước tắm thường chỉ mới là một chút đỉnh biểu

tượng cho một cảnh tượng hội hè và một không khí thanh bình đã những tàn nắng và những đêm sao của Sài Gòn thu hút được một đám đông cả những người lớn cả những trẻ thơ chúng tôi như vậy.

Hai mươi năm nay, trên hương của lục bát, xứ sở của ca dao, vòm trời dừa son và của ngôn ngữ năm dấu, tai chúng đã đầy đặc những tiếng nổ, mắt chúng đã nghẹt ứ những hình ảnh rợn người. Chúng thêm khát những tiếng động khác, bình yên. Như tiếng chim trên mái nhà một ban mai thức tiếng suối lăn trong đá, tiếng gió trong cây, cười trong nắng. Chúng tôi đợi chờ những ảnh khác, yên tâm hơn. Như hình ảnh của cỏ trong vườn, biển trắng ngoài đồng, đứa trẻ trong nôi, và như lời một bài hát mới: “Dây gai đã hết rào quanh đồn phòng ngự”.

Hòa bình có được, thành phố này sẽ hết đi cái cảnh tượng biển người. Thôn dã Việt Nam mất an ninh, hàng triệu người của làng xóm và ruộng đồng đã bỏ về đây. Chuông vàng hòa bình mà gióng lên, họ sẽ về. Với ngô. Với hoa. Với đất. Với cỏ. Hai mươi năm nay, người dân quê Bắc Ninh mỗi mùa còn tưởng nhớ một dáng đu bay, và người Nam tương tư cái hình ảnh cao vút của một cây Nguyên Đán, và người Châu Đốc thì thiếu cái dây của Cửu Long bát ngát và người của Trị Thiên đi tới đâu, cũng không xa được bóng Ngự Bình.

Hòa bình mà có được, tôi cũng sẽ trở về nằm dưới mái hiên cũ. Nhìn lên hình cây xưa. một con thuyền nhỏ, viếng thăm lại những bến thời thơ ấu. Buổi chiều tôi sẽ ra đứng đó, trên cây gậy bảy giờ chắc đã được vót lên cho hai nhịp liên

qua một dòng sông. Gió chiều từ biển xa vào. Hết bóng những máy bay phản lực gầm như tan hát, không gian thôi tiếng súng chỉ còn êm tiếng sáo diều bất tận, và những ngọn cỏ không khô nữa, và những nhánh cây không khô nữa, sẽ rất xanh thành một cảnh tượng xanh lam. Vì đó, sao sẽ sáng hơn trên một nền trời mới. Và thôi giới nghiêm, đêm dài đủ cho những giấc ngủ dịu dàng.

*

Cho tới những giờ phút này, Việt Nam đánh trận. Từng người, từng người còn nhìn những đường lửa và những ngõ khói đi tới. Dây thép vẫn rào quanh đồn phòng ngự. Nhưng nghiên cứu định mệnh vào chiến tranh, mà cái khả năng tâm linh và đời sống dành cho

hòa bình tương lai, khả năng đó xanh ngắt trong ta, vẫn còn là một kho tàng nguyên vẹn. Tôi nghĩ cái kho tàng còn nguyên vẹn là điều kiện bảo đảm rục rờ và yên tâm nhất cho hòa nhập rộng lớn của chúng ta vào đời khi đời sống có hòa bình. Phía bên kia, không phải như vậy. Chỉ ở phía bên này, chúng ta có đủ hành lý cho cuộc hành trình ngày mai.

KHỞI HÀNH – Tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm số 24, ngày 09-10-1969.

Chủ trương: Hội Văn nghệ sĩ quân đội.

Giấy phép xuất bản số 358/BTT/BC ngày 26-3-1969.

Tòa soạn và trị sự: 225-227 Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn.

Điện thoại: 25.863

Chủ nhiệm, chủ bút: Anh Việt Trần Văn Trọng.

Thư ký tòa soạn: Viên Linh

Bộ Biên Tập Thường Xuyên

TÔ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH THẠCH • HOÀNG NGỌC LIÊN

HY VĂN • ĐẶNG TRẦN HUÂN *
NGUYỄN HỮU THÔNG

Minh Họa: NGUYỄN HỮU NHẬT

Trình bày: VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu xin đề tên Chủ Nhiệm * Bài vở xin đề tên Thư ký Tòa Soạn. Giá 15đ mỗi số. Công sở giá gấp đôi.

Bài vở gửi cho *Khởi Hành* xin miễn gửi cho báo khác, và ngược lại. Tòa soạn không trả lại bản thảo nếu không có lời yêu cầu.

